

Số: 1912 /BC-BCA

*Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2023*

## **BÁO CÁO**

### **Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật Phòng, chống mua bán người sửa đổi**

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công an tiến hành rà soát các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến nội dung dự thảo Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi) (sau đây gọi là dự thảo Luật) để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành. Trên cơ sở kết quả rà soát, Bộ Công an báo cáo như sau:

#### **1. Phạm vi, nội dung rà soát**

- Về phạm vi rà soát: gồm toàn bộ nội dung dự thảo Luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung rà soát: Đối chiếu các quy định tại dự thảo Luật với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đảm bảo tính hợp hiến, đồng bộ, thống nhất với các văn bản được rà soát, tránh mâu thuẫn, chồng chéo hoặc khoảng trống pháp lý trong hệ thống pháp luật.

#### **2. Mục đích việc rà soát dự thảo Luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan**

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo Luật là đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong hệ thống pháp luật.

#### **3. Kết quả rà soát**

Qua rà soát đã xác định tổng số văn bản được rà soát là 08 văn bản, bao gồm: Hiến pháp và 07 luật. Cụ thể:

##### **3.1. Hiến pháp 2013**

##### **3.2. Luật của Quốc hội:**

- (1) Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- (2) Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2021);
- (3) Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;
- (4) Luật Trẻ em năm 2016;
- (5) Luật Tương trợ Tư pháp năm 2007;

(6) Luật Cư trú năm 2020;

(7) Luật cơ quan đại diện Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài năm 2009.

#### **4. Những nội dung cơ bản của dự thảo Luật**

Dự thảo Luật được bố cục thành 8 chương, 64 điều, quy định cụ thể về các nội dung sau:

a) Chương I. Những quy định chung (gồm 06 điều: từ Điều 1 đến Điều 6) quy định về phạm vi điều chỉnh (Điều 1), giải thích từ ngữ (Điều 2), các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 3), nguyên tắc phòng, chống mua bán người (Điều 4), chính sách của Nhà nước về phòng, chống mua bán người (Điều 5), quyền và nghĩa vụ của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (Điều 6).

b) Chương II. Phòng ngừa mua bán người (gồm 12 điều: từ Điều 7 đến Điều 18) quy định về thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người (Điều 7), tư vấn về phòng ngừa mua bán người (Điều 8), quản lý về an ninh, trật tự (Điều 9), quản lý các hoạt động kinh doanh, dịch vụ (Điều 10), lồng ghép nội dung phòng ngừa mua bán người vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội (Điều 11), trách nhiệm cá nhân tham gia phòng ngừa mua bán người (Điều 12), gia đình tham gia phòng ngừa mua bán người (Điều 13), trách nhiệm nhà trường và các cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia phòng ngừa mua bán người (Điều 14), trách nhiệm phòng ngừa mua bán người trong các tổ chức, cơ sở hoạt động kinh doanh, dịch vụ (Điều 15), trách nhiệm cơ quan thông tin đại chúng tham gia phòng ngừa mua bán người (Điều 16), trách nhiệm Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia phòng ngừa mua bán người (Điều 17), trách nhiệm Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tham gia phòng ngừa mua bán người (Điều 18).

c) Chương III. Phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người (gồm 05 điều: từ Điều 19 đến Điều 23) quy định về tố giác, tin báo, tố cáo hành vi vi phạm (Điều 19), phát hiện hành vi vi phạm thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra (Điều 20), phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm thông qua hoạt động nghiệp vụ phòng, chống tội phạm (Điều 21), giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người (Điều 22), xử lý vi phạm Điều 23.

d) Chương IV. Tiếp nhận, xác định và bảo vệ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân (gồm 11 điều: từ Điều 24 đến Điều 34); chia làm 03 mục, gồm:

- Mục 1 (tiếp nhận, xác minh người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân; xác định nạn nhân), gồm 05 điều (từ Điều 24 đến Điều 28) quy định về tiếp nhận xác định nạn nhân bị mua bán trong nước (Điều 24), tiếp nhận, xác minh người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân được giải cứu (Điều 25), tiếp nhận, xác định nạn nhân đang ở nước ngoài (Điều 26), tiếp nhận, xác minh người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân từ

nước ngoài trở về (Điều 27), tiếp nhận, xác minh và trao trả người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam (Điều 28).

- Mục 2 (căn cứ xác định nạn nhân, giấy tờ chứng nhận nạn nhân), gồm 02 điều (Điều 29 và Điều 30) quy định về căn cứ để xác định nạn nhân (Điều 29), giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân (Điều 30).

- Mục 3 (bảo vệ người trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân và người thân thích của họ), gồm 04 điều (từ Điều 31 đến Điều 34) quy định về giải cứu, bảo vệ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (Điều 31), đối tượng bảo vệ (Điều 32), các biện pháp bảo vệ và thẩm quyền áp dụng (Điều 33), bảo vệ bí mật thông tin, dữ liệu về người đang trong quá trình xác minh là nạn nhân, nạn nhân (Điều 34).

đ) Chương V. Hỗ trợ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân (gồm 10 điều: từ Điều 35 đến Điều 44) quy định về đối tượng và chế độ hỗ trợ (Điều 35), hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại (Điều 36), hỗ trợ y tế (Điều 37), hỗ trợ tâm lý (Điều 38), trợ giúp pháp lý (Điều 39), hỗ trợ học văn hóa, học nghề (Điều 40), trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn (Điều 41), hỗ trợ chi phí phiên dịch (Điều 42), cơ quan, tổ chức thực hiện việc hỗ trợ (Điều 43), cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân (Điều 44).

e) Chương VI. Quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về phòng chống mua bán người (gồm 14 điều: từ Điều 45 đến Điều 58); quy định về nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người (Điều 45); trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người (Điều 46); trách nhiệm của Bộ Công an (Điều 47); trách nhiệm của Bộ Quốc phòng (Điều 48); trách nhiệm của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (Điều 49); trách nhiệm của Bộ Y tế (Điều 50); trách nhiệm của Bộ Ngoại giao (Điều 51); trách nhiệm của Bộ Tư pháp (Điều 52); trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Điều 53); trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Điều 54); trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông (Điều 55); trách nhiệm của Bộ Tài chính (Điều 56); trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân (Điều 57); trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 58).

g) Chương VII. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người (gồm 04 điều: từ Điều 59 đến Điều 62) quy định về nguyên tắc hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người (Điều 59), thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống mua bán người (Điều 60), hợp tác quốc tế trong việc giải cứu và hồi hương nạn nhân (Điều 61), tương trợ tư pháp (Điều 62).

h) Chương VIII. Điều khoản thi hành (gồm Điều 63 và Điều 64), quy định sửa đổi, bổ sung Điều 7 của Luật Trợ giúp pháp lý (Điều 63); quy định hiệu lực thi hành của Luật (Điều 64).

## **B. KẾT QUẢ RÀ SOÁT**

### ***1. Hiến pháp năm 2013***

Hiến pháp năm 2013 đã dành hẳn 01 chương (Chương II) quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó Điều 14

Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật và quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của Luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng.

Để đảm bảo quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp năm 2013, dự thảo Luật đã nâng các quy định (trước đây được quy định trong các văn bản dưới Luật) và bổ sung nhiều quy định nhằm đảm bảo hơn nữa quyền con người, quyền công dân cho nạn nhân bị mua bán, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, cụ thể như: Bổ sung quyền của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân; quy định cụ thể việc tiếp nhận, xác định và bảo vệ người trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân; bổ sung quy định người đang trong quá trình xác định là nạn nhân được hỗ trợ một số chế độ, như chi phí phiên dịch trong thời gian nạn nhân lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân, chi phí đi lại, y tế, tâm lý; mở rộng đối tượng được trợ cấp khó khăn ban đầu, học văn hóa, học nghề là tất cả các nạn nhân;...

Như vậy, Bộ Công an thấy các nội quy định tại dự thảo Luật phù hợp với thực tiễn và quy định của Hiến pháp năm 2013 về đảm bảo quyền con người, quyền công dân.

## **2. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):**

Theo quy định tại Điều 150 và Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): (1) Tội mua bán người (Điều 150) gồm các hành vi sau đây: Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác; chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác; chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; (2) Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151) gồm các hành vi sau đây: Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo; chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo; chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

Điều 29 dự thảo Luật bổ sung quy định cụ thể các căn cứ để xác định một người là nạn nhân là: (1) Một người có thể được xác định là nạn nhân khi người đó là đối tượng của việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác theo quy định pháp luật về hình sự để thực hiện một trong các hành vi sau đây: Chuyển giao người để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác; tiếp

nhận người để giao tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác; chuyển giao người để người khác bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; tuyền mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi chuyển giao người để nhận tiền, tài sản hoặc vật chất lợi ích khác, để chuyển giao người để người khác bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác. Đối với người dưới 16 tuổi có thể được xác định là nạn nhân khi người đó là đối tượng của các hành vi này; (2) Việc xác định nạn nhân phải dựa vào các nguồn tài liệu, chứng cứ; (3) Trường hợp cơ quan chức năng căn cứ quy định nêu trên nhưng chưa chứng minh được một người có phải là nạn nhân hay không, sau khi xác minh lý lịch, thời gian vắng mặt khỏi địa phương nơi họ cư trú, lý do vắng mặt phù hợp với lời khai của họ về việc là đối tượng của một trong những hành vi quy định nêu trên thì xem xét các căn cứ khác để xác nhận họ là nạn nhân.

Như vậy, Bộ Công an thấy các nội quy định tại Điều 29 dự thảo Luật phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), thống nhất, đồng bộ, không làm điều chỉnh, thay đổi nội dung các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

### ***3. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)***

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) đã dành Chương XXXIV quy định về bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, người bị hại và người tham gia tố tụng khác với các biện pháp bảo vệ an toàn nhằm bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm cũng như những thông tin thuộc bí mật đời tư của nạn nhân bị buôn bán và thân nhân của họ.

Tại các điều 31, 32, 33, 34 dự thảo quy định:

- Về giải cứu, bảo vệ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (Điều 31): Khi có căn cứ để cho rằng một người bị mua bán thì cơ quan, đơn vị, cá nhân quy định tại Điều 21 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để giải cứu; trường hợp người đó bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản thì áp dụng các biện pháp bảo vệ.

- Đối tượng bảo vệ (Điều 32), bao gồm: Người trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân; người thân thích của người trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân là người có quan hệ với người trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân gồm: Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, bố nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột; cụ nội, cụ ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, cháu ruột.

- Các biện pháp bảo vệ và thẩm quyền áp dụng (Điều 33): (1) Trường hợp người trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân là người tố cáo thì việc áp dụng các biện pháp bảo vệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo; (2) Trường hợp người trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân là người

tham gia tố tụng hình sự thì việc áp dụng các biện pháp bảo vệ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; (3) Đối với các biện pháp bảo vệ sau đây thì thẩm quyền áp dụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Cơ sở bảo trợ xã hội, Giám đốc Cơ sở hỗ trợ nạn nhân; Thủ trưởng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài: Giữ bí mật về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ của người trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân, người thân thích của họ; giữ bí mật các thông tin về đời tư, đặc điểm nhân dạng, nơi cư trú, làm việc, học tập và các thông tin khác có liên quan đến người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân, người thân thích của họ; Hạn chế phạm vi đi lại, giao tiếp của người trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân, người thân thích của họ; bố trí nơi tạm lánh cho người trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân, người thân thích của họ.

- Bảo vệ bí mật thông tin, dữ liệu về người đang trong quá trình xác minh là nạn nhân, nạn nhân (Điều 34): Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin, dữ liệu về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của người đang trong quá trình xác minh là nạn nhân, nạn nhân, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Tòa án xem xét, quyết định việc xét xử kín đối với vụ án mua bán người theo yêu cầu của nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân.

Như vậy, Bộ Công an thấy các nội quy định các điều 31, 32, 33, 34 dự thảo Luật phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), thống nhất, đồng bộ, không làm điều chỉnh, thay đổi nội dung các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

#### ***4. Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017***

Theo quy định tại điểm g khoản 7 Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, đối tượng được trợ giúp pháp lý chỉ là nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người có khó khăn về tài chính. Tuy nhiên, Bộ Công an thấy rằng quy định này trong Luật Trợ giúp pháp lý là chưa bảo đảm tốt quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân trong các vụ mua bán người; bên cạnh đó, đa số nạn nhân của các vụ mua bán người là những người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ở vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số hiểu biết về pháp luật hạn chế, có trường hợp không thể biết được những quyền lợi và trách nhiệm pháp lý mình cần thực hiện gây khó khăn trong việc thực hiện quyền của mình cũng như gây khó khăn cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thực hiện việc hỗ trợ và bảo vệ họ. Do đó, để đảm bảo tốt hơn quyền và lợi ích của nạn nhân Điều 39 dự thảo Luật đã mở rộng đối tượng được trợ giúp pháp lý liên quan đến mua bán người so với Luật Trợ giúp pháp lý, cụ thể là:

#### ***“Điều 39. Trợ giúp pháp lý***

*1. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân được trợ giúp pháp lý để làm thủ tục đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, nhận chế độ hỗ trợ, tham gia tố tụng và các thủ tục pháp lý khác có liên quan đến vụ việc mua bán người.*

2. Nạn nhân được trợ giúp pháp lý để làm thủ tục đăng ký cư trú, hộ tịch, nhận chế độ hỗ trợ, đòi bồi thường thiệt hại, tham gia tố tụng và các thủ tục pháp lý khác có liên quan đến vụ việc mua bán người.

3. Trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.”

Như vậy, Bộ Công an thấy các nội dung quy định tại Điều 39 dự thảo Luật phù hợp với thực tiễn và quy định của Hiến pháp năm 2013 về đảm bảo quyền con người, quyền công dân. Đồng thời, trong dự thảo Luật cũng đã bổ sung Điều 63 sửa đổi, bổ sung Điều 7 của Luật Trợ giúp pháp lý để phù hợp với quy định tại Điều 39 của dự thảo Luật.

## **5. Luật Trẻ em năm 2016**

Luật Trẻ em năm 2016 quy định đối tượng trẻ em bị mua bán là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (điểm m khoản 1 Điều 10 của Luật), đồng thời Luật có quy định về các biện pháp bảo vệ trẻ em ở cấp độ hỗ trợ (Điều 49 của Luật), các biện pháp bảo vệ trẻ em ở cấp độ can thiệp (Điều 50 của Luật) nhằm đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích của trẻ em nói chung và đối tượng trẻ em bị mua bán nói riêng.

Để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa dự thảo Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi) với Luật Trẻ em 2016, dự thảo Luật đã quy định cụ thể hơn các quyền của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân là trẻ em, cụ thể như: Bổ sung nguyên tắc tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp, giữ bí mật thông tin và không kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân đặc biệt đối với phụ nữ và trẻ em (khoản 2 Điều 4); quy định về tiếp nhận, xác định nạn nhân bị mua bán trong nước đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là trẻ em (khoản 3 Điều 24); quy định về tiếp nhận, xác minh người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân từ nước ngoài trở về đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là trẻ em (khoản 1 Điều 27).

Như vậy, Bộ Công an thấy các nội dung quy định tại dự thảo Luật đã đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với Luật Trẻ em 2016 về nội dung hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị mua bán.

## **6. Các luật khác có liên quan: Luật Tương trợ Tư pháp năm 2007; Luật Cư trú năm 2020; Luật cơ quan đại diện Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài năm 2009.**

Các quy định của dự thảo Luật này được nghiên cứu quy định phù hợp với các quy định của các luật: Luật Tương trợ Tư pháp năm 2007 (các quy định về quan hệ tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và nước có liên quan trong phòng, chống mua bán người); Luật Cư trú năm 2020 (các quy định về quản lý cư trú đối với nạn nhân); Luật cơ quan đại diện Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài năm 2009 (các quy định liên quan đến trách nhiệm của các cơ quan đại diện Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài trong việc thực hiện phòng, chống mua bán người).

Trên đây là Báo cáo rà soát các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến nội dung dự thảo Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Lưu: VT, V03 (P2).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trưởng Lê Quốc Hùng**